

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KINH TẾ SỐ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KINH TẾ SỐ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM DIGITAL ECONOMY GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DEV GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0109742521

3. Ngày thành lập: 08/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 9, ngách 1, ngõ 95 Đường Chiến Thắng, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0399771469

Fax:

Email: Congnguyenthanhyb@gmail.com Website:
m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
2.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4530
3.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	4541
4.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ đấu giá)	4543
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm	4632
10.	Bán buôn đồ uống	4633
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến - Bán buôn xi măng - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, vécni - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

18.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
21.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
25.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
26.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
27.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
28.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
29.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
30.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
31.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
32.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
33.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
34.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
35.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
36.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
43.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
44.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
45.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Môi giới bất động sản - Tư vấn bất động sản	6820
46.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn pháp lý, tài chính, chứng khoán, thuế)	7020
47.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
49.	Quảng cáo	7310
50.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
51.	Cho thuê xe có động cơ	7710
52.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
53.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
54.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
55.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
56.	Đại lý du lịch	7911
57.	Điều hành tua du lịch	7912
58.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
59.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
60.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

62.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy máy vi tính; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
63.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
64.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
65.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
66.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
67.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
68.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
69.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
70.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
71.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh	8299
73.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động báo chí)	7420
74.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt pano, bảng hiệu, hộp đèn quảng cáo, máy chấm công.	4329
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; Hoạt động trang trí nội thất.	7410
76.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
77.	Xuất bản phần mềm	5820
78.	Lập trình máy vi tính	6201
79.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
80.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
81.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
82.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Cung cấp sản phẩm giao dịch thương mại điện tử (Trừ đấu giá)	4791

83.	Cổng thông tin - Thiết lập mạng xã hội - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (Trừ hoạt động báo chí)	6312(Chính)
84.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
85.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất phim video và chương trình truyền hình (trừ các chương trình Nhà nước cấm và sản xuất phim)	5911
86.	Hoạt động hậu kỳ	5912
87.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Phát hành phim video và chương trình truyền hình	5913
88.	Hoạt động chiếu phim	5914
89.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: - Hoạt động sản xuất ghi âm gốc như ghi băng, đĩa CD; - Phát hành, quảng cáo và phân phối băng ghi âm đến những người bán buôn, bán lẻ hoặc trực tiếp đến công chúng. Các hoạt động này có thể được thực hiện hoặc không được thực hiện cùng với việc sản xuất các băng ghi âm gốc trong cùng một đơn vị. Nếu không, đơn vị thực hiện các hoạt động này phải có quyền tái sản xuất và phân phối đối với bản ghi âm thanh gốc; - Hoạt động ghi âm phục vụ các hoạt động trong trường quay hoặc các nơi khác, bao gồm cả việc sản xuất chương trình băng đài (không phải trực tiếp);	5920
90.	Trồng lúa	0111
91.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
92.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
93.	Trồng cây mía	0114
94.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
95.	Trồng cây lấy sợi	0116
96.	Trồng cây hàng năm khác	0119
97.	Trồng cây ăn quả	0121
98.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
99.	Trồng cây lâu năm khác	0129
100.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
101.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
102.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
103.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
104.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
105.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
106.	Chăn nuôi gia cầm	0146
107.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210

108.	Khai thác gỗ	0220
109.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
110.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
111.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
112.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
113.	Khai thác và thu gom than non	0520
114.	Khai thác dầu thô	0610
115.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
116.	Khai thác quặng sắt	0710
117.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
118.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
119.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
120.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
121.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
122.	Khai thác muối	0893
123.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
124.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
125.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
126.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
127.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
128.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
129.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
130.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
131.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
132.	Sản xuất đường	1072
133.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
134.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
135.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
136.	Sản xuất chè	1076
137.	Sản xuất cà phê	1077
138.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
139.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
140.	Sản xuất điện	3511
141.	Truyền tải và phân phối điện	3512
142.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
143.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
144.	Xây dựng nhà để ở	4101
145.	Xây dựng nhà không để ở	4102

146.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
147.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
148.	Xây dựng công trình điện	4221
149.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
150.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
151.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
152.	Xây dựng công trình thủy	4291
153.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
154.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
155.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
156.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
157.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
158.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HÀ THANH THU	Tổ 1, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.000	40.000.000	2,000	061012580	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	4.000	40.000.000	2,000		

2	NGUYỄN THÀNH CÔNG	Thôn Phúc Thịnh, Xã Giới Phiên, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	90,000	060969493	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	90,000		
3	HỒ MỸ LINH	Thôn 3, Xã Giới Phiên, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	16.000	160.000.000	8,000	060994568	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	16.000	160.000.000	8,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ MỸ LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 24/10/1995

Dân tộc: Hoa

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 060994568

Ngày cấp: 30/05/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Yên Bái

Địa chỉ thường trú: *Thôn 3, Xã Giới Phiên, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *H2505, Xuân Mai Complex, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội